

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế Thành phố Mỹ Tho

Mã đơn vị: 1025857

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))							
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	Năm sử dụng				Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))						
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê							Liên doanh, liên kết	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
1	ĐẤT KHỎI DỰ PHÒNG tại số 4, Trương Công Định	577	4.329.000		577																		
2	Đất Phòng Dân số tại số 36 Nguyễn Văn Nguyễn	260	1.429.450		260																		
3	Đất tổ lao tại số 149 Nguyễn Tri Phương	375	3.750.000		375																		
4	Đất Trạm Y tế Phường 1 tại số 4A Trương Định		1.360.500		181																		
5	Đất Trạm Y tế Phường 10 tại đường Ấp Bắc	1.050	11.550.000		1.050																		
6	Đất Trạm Y tế Phường 2 tại Khu phố 5	555	3.004.650		555																		
7	Đất Trạm Y tế Phường 3 tại Số 09 Đốc Bình Kiều	607	2.369.640		607																		



Công khai về nhà																					
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà									
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo số kê toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
8	Đất Trạm Y tế Phường 4 tại số 17, đường Đồng Đa	81	1.617.660		81																
9	Đất Trạm Y tế Phường 4 tại số 19, đường Đồng Đa	71	1.417.680		71																
10	Đất Trạm Y tế Phường 5 tại Lý Thường Kiệt	164	2.565.108		164																
11	Đất Trạm Y tế phường 6 tại Quốc lộ 60		1.112.958		174																
12	Đất Trạm Y tế Phường 7 tại số 11, Huỳnh Tịnh Của	211	1.327.410		211																
13	Đất Trạm Y tế Phường 8 tại 12/10 Nguyễn Văn Nguyễn	441	2.429.350		441																
14	Đất Trạm Y tế Phường 9 tại Khu phố 1	1.792	4.301.520		1.792																
15	Đất Trạm Y tế phường Tân Long tại Khu phố Tân Hà	286	200.690		286																
16	ĐẤT TRẠM Y TẾ XÃ ĐẠO THANH tại ấp 3	891	2.137.440		891																
17	Đất Trạm Y tế xã Mỹ Phong tại ấp Mỹ Hòa	1.266	1.962.240		1.266																

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú		
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản phẩm (m2))							Sử dụng khác	
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Nguyên giá				Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp				
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết								Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
18	Đất Trạm Y tế xã Phước Thạnh tại ấp Phước Thuận		1.921.000		1.130																				
19	Đất Trạm Y tế xã Tân Mỹ Chánh tại ấp Phong Thuận	1.076	1.076.500		1.076																				
20	Đất Trạm Y tế xã Thới Sơn tại ấp Thới Thuận	621	716.240		621																				
21	Đất Trạm Y tế xã Trung An tại ấp 1	711	3.380.575		711																				
22	Đất Trung tâm Y tế TP Mỹ Tho tại số 57		39.006.000		1.970																				
23	Nhà làm việc DT									2004	891	377.512			891										
24	Nhà làm việc khối Dự phòng									2012	1.254	6.236.421	4.884.989		313										
25	Nhà làm việc Phòng Dân số									2015	260	631.431			260										
26	Nhà làm việc Phòng 1									2007	363	666.881			181										
27	Nhà làm việc Phòng 2									2016	467	2.935.486	1.800.334		555										
28	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 10									2010	32	125.664			32										
29	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 10									2006	300	677.171			300										
30	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 3									2010	462	1.004.715			462										
31	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 3									2011	145	64.462	4.570		145										

Công khai về nhà																						
Công khai về đất													Công khai về nhà									
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Ghi chú	
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Không kinh doanh		Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
					6	7	8	9														10
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
32	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 4									2013	133	556.452	112.637		133							
33	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 4									1978	67	200.000			67							
34	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 5									2004	222	350.598			200							
35	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 6									2016	243	3.477.258	2.132.602		175							
36	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 7									2016	341	3.230.151	1.981.052		211							
37	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 8									2004	442	5.477.778			442							
38	Nhà làm việc Trạm Y tế Phường 9									2007	1.760	785.454			1.760							
39	Nhà làm việc Trạm Y tế phường Tân Long									2005	573	520.873			573							
40	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Mỹ Phong									2016	234	4.463.606	2.737.530		234							
41	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Phước Thạnh									2014	108	2.671.235	1.424.570		108							
42	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Tân Mỹ Chánh (ngôi 1)									2009	699	889.112			699							
43	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Tân Mỹ Chánh (ngôi 2)									2009	40	377.787			40							
44	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Tân Mỹ Chánh (ngôi 3)									2011	18	62.401	4.424		18							

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))						Sử dụng khác		
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp			
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
45	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Thới Sơn									2014	249	2.310.881	618.854		249								
46	Nhà làm việc Trạm Y tế xã Trung An									2009	292	813.000			292								
47	Nhà làm việc TTYT (ngôi 1)									2005	2.730	5.949.823			2.730								
Tổng cộng:		11.035	92.965.611		14.490						12.325	44.856.155	15.701.562		11.071								

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Nguyễn Kim Ngọc Huệ

Ngày... tháng... năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Đỗ Kim Ngọc Huệ